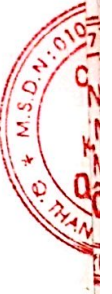


**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHÉ BIẾN, KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023**



---

Tháng 9 năm 2023

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Hồ Văn Tuấn	Thành viên

#### **Ban kiểm soát**

Ông Cao Văn Cấn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Bùi Văn Quang	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đào Văn Dũng - Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đào Văn Dũng**

**Giám đốc**

Ngày 13 tháng 09 năm 2023

Số: 091303/2023/BCSX-iCPA

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 09 năm 2023, từ trang 5 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh không trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Vấn đề nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo riêng giữa niên độ và kỳ kế toán, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đang ngừng hoạt động do các mỏ đá được cấp phép đã hết thời hạn khai thác, kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 hiện tại đang bị lỗ với số tiền là 1.534.294.808 đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 2.812.834.368 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc Công ty sắp xếp được dòng tiền từ thu hồi các khoản ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác, cũng như việc được tái cơ cấu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



**Nguyễn Hoàng Giang**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0997-2021-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)**  
Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.907.691.885</b>	<b>13.347.665.446</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.296.198.665</b>	<b>4.435.404.092</b>
1. Tiền	111		1.296.198.665	935.404.092
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.500.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	4.500.000.000	4.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.224.843.458</b>	<b>3.218.191.439</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.583.137.012	1.919.784.662
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40.000.000	37.800.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	2.800.000.000	2.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.354.665.946	213.566.277
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.552.959.500)	(1.552.959.500)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>361.435.460</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	361.435.460
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>886.649.762</b>	<b>1.332.634.455</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		212.541.790	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	674.107.972	1.332.634.455
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>40.873.559.322</b>	<b>47.805.618.642</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.446.199.416</b>	<b>22.081.539.799</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	5.600.000.000	8.400.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	9.846.199.416	13.681.539.799
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>562.082.406</b>	<b>770.801.343</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	562.082.406	770.801.343
- Nguyên giá	222		10.843.848.172	10.843.848.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.281.765.766)	(10.073.046.829)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.9</b>	<b>24.865.277.500</b>	<b>24.953.277.500</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.132.277.500	27.132.277.500
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.267.000.000)	(2.179.000.000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>57.781.251.207</b>	<b>61.153.284.088</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.053.619.430</b>	<b>12.841.357.503</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.053.619.430</b>	<b>12.841.357.503</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	809.077.900	132.182.941
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.817.112	21.817.112
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	26.330.050	87.351.406
4. Phải trả người lao động	314		96.126.000	174.111.700
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		25.000.000	80.515.182
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		17.784.123	26.753.523
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	9.966.484.011	12.214.212.457
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		91.000.234	104.413.182
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.12</b>	<b>46.727.631.777</b>	<b>48.311.926.585</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>46.727.631.777</b>	<b>48.311.926.585</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.628.180.000	32.628.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.628.180.000	32.628.180.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.099.451.777	15.683.746.585
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.633.746.585	16.674.252.869
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.534.294.808)	(990.506.284)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>57.781.251.207</b>	<b>61.153.284.088</b>

Trần Thị Vân  
Người lập biểu  
Ngày 13 tháng 09 năm 2023

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng  
Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		359.523.000	5.709.246.500
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	359.523.000	5.709.246.500
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	310.216.021	5.544.567.276
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.306.979	164.679.224
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	711.653.729	534.165.390
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	88.000.000	(148.000.000)
7. Chi phí bán hàng	25		4.772.721	264.911.498
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.096.142.330	971.435.108
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.427.954.343)	(389.501.992)
10. Thu nhập khác	31	VI.6	148.666.050	381.127.904
11. Chi phí khác	32	VI.7	255.006.515	4.981.144
12. Lợi nhuận khác	40		(106.340.465)	376.146.760
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.534.294.808)	(13.355.232)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	3.925.182
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.534.294.808)	(17.280.414)

Trần Thị Vân  
Người lập biểu  
Ngày 13 tháng 09 năm 2023

  
Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng

Đào Văn Dũng  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(1.534.294.808)	(13.355.232)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	208.718.937	297.375.190
Các khoản dự phòng	03	88.000.000	(1.051.452.820)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(711.653.729)	(907.225.394)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(1.949.229.600)	(1.674.658.256)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	612.697.845	2.427.814.550
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	361.435.460	1.190.911.186
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.774.325.125)	(1.096.119.185)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	-	46.842.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(63.412.948)	(195.670.802)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.812.834.368)	699.119.493
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	854.545.453
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.100.000.000	1.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	573.628.941	421.034.936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.673.628.941	(1.224.419.611)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(139.205.427)	(525.300.118)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.435.404.092	7.601.292.365
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.296.198.665	7.075.992.247

Trần Thị Vân  
Người lập biểu  
Ngày 13 tháng 09 năm 2023

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng  
Giám đốc

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Đến năm 1977 được đổi tên là Công ty Khai thác, Chế biến đá và Khoáng sản Hải Dương. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000075 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019, mã số thuế 0800282498.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023 là 32.628.180.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng 3.262.818 cổ phần.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác chế biến đá làm nhiên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu chế biến Bauxits;
- Khai thác cát đất đồi;
- Sửa chữa cơ khí - điện; và
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên có trụ sở chính tại Xóm Làng Mới 1, Xã Tân Long, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

### 6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 13 người)

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Thuyết minh về giá định hoạt động liên tục**

Đến thời điểm hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đang ngừng hoạt động do các mỏ đã được cấp phép đã hết thời hạn khai thác. Kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 hiện tại đang bị lỗ với số tiền là âm 1.534.294.808 đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 2.812.834.368 đồng. Ban lãnh đạo Công ty đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng, quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền trong vòng một năm tiếp theo. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

Nguồn tiền lãi từ hoạt động đầu tư vào công ty con và các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở các ngân hàng đủ để cho Công ty vận hành và duy trì các hoạt động của Công ty trong tương lai, Công ty tăng cường công tác phục hồi môi trường sau khai thác tại các mỏ đã hết thời hạn khai thác để thu hồi các khoản ký quỹ phục hồi môi trường. Ngoài ra, Ban Giám đốc của Công ty rất quan tâm đến hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Công ty con, cụ thể là Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên để đảm bảo nguồn lợi nhuận thu được từ Công ty con. Đồng thời, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

#### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo các quy định hiện hành.

###### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

###### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

##### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Dự phòng phải trả tại Công ty bao gồm: chi phí hoàn nguyên môi trường các mỏ Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

##### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	28.130.000	38.186.100
Tiền gửi ngân hàng	1.268.068.665	897.217.992
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.296.198.665</b>	<b>4.435.404.092</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch với kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 4%/năm.

**2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY DÁO HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Hải Dương (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hải Dương (**)	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch theo Hợp đồng tiền gửi số: 02/2023/2282773/HĐTG từ ngày 15/06/2023 đến ngày 15/12/2023 với số tiền là 2.000.000.000 đồng; kỳ hạn 06 tháng; lãi suất 5,4%/năm.

(\*\*) Tiền gửi có kỳ hạn online tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương từ ngày 07/04/2023 đến ngày 07/04/2024 với số tiền là 2.500.000.000 đồng; kỳ hạn 12 tháng; lãi suất 6,0%/năm.

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	305.471.000
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	282.248.000
Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Phú Ngọc	-	191.736.450
Đối tượng khác	995.418.012	1.140.329.212
<b>Cộng</b>	<b>1.583.137.012</b>	<b>1.919.784.662</b>



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (i)	2.800.000.000	2.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.800.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (i)	5.600.000.000	8.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.600.000.000</b>	<b>8.400.000.000</b>
<b>Trong đó: Phải thu về cho vay là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</b>	<b>8.400.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01-2021/HĐVV ngày 02 tháng 04 năm 2021, số tiền 8.400.000.000 đồng, lãi suất vay 4%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng	10.000.000	100.000.000
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*)	4.093.074.881	-
Các khoản lãi dự thu	251.591.065	113.566.277
<b>Cộng</b>	<b>4.354.665.946</b>	<b>213.566.277</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*)	9.846.199.416	13.681.539.799
<b>Cộng</b>	<b>9.846.199.416</b>	<b>13.681.539.799</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</b>	<b>-</b>	<b>92.733.400</b>

(\*) Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các mỏ Hàm Long, Áng Dâu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,  
Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương**MÃ SỐ B 09a - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng	1.552.959.500	-	1.552.959.500	1.552.959.500	-	1.552.959.500
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	305.471.000	305.471.000	-	305.471.000
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	282.248.000	282.248.000	-	282.248.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	181.051.800	181.051.800	-	181.051.800
Công ty TNHH Ánh Dương	163.061.700	-	163.061.700	163.061.700	-	163.061.700
Các khoản khác	621.127.000	-	621.127.000	621.127.000	-	621.127.000
<b>Cộng</b>	<b>1.552.959.500</b>	<b>-</b>	<b>1.552.959.500</b>	<b>1.552.959.500</b>	<b>-</b>	<b>1.552.959.500</b>

**7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.496.722	-	-	672.496.722
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	789.907.372	137.580.889	652.326.483
Thuế thu nhập cá nhân	1.611.250	6.200.000	-	7.811.250
<b>Cộng</b>	<b>674.107.972</b>	<b>796.107.372</b>	<b>137.580.889</b>	<b>1.332.634.455</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	50.818.000	84.093.406	33.275.406
Thuế tài nguyên	-	-	42.554.600	42.554.600
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	26.330.050	26.330.050	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	14.521.400	11.521.400
<b>Cộng</b>	<b>26.330.050</b>	<b>80.148.050</b>	<b>141.169.406</b>	<b>87.351.406</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**  
Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,  
Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

**MÃ SỐ B 09a - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	5.735.616.840	4.086.005.682	942.735.650	79.490.000	10.843.848.172
Số dư cuối kỳ	5.735.616.840	4.086.005.682	942.735.650	79.490.000	10.843.848.172
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	5.269.698.823	3.781.122.356	942.735.650	79.490.000	10.073.046.829
Khấu hao trong kỳ	28.698.027	180.020.910	-	-	208.718.937
Số dư cuối kỳ	5.298.396.850	3.961.143.266	942.735.650	79.490.000	10.281.765.766
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	465.918.017	304.883.326	-	-	770.801.343
Tại ngày cuối kỳ	437.219.990	124.862.416	-	-	562.082.406

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 với giá trị là 9.381.735.486 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.381.735.486 đồng).

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	27.132.277.500	(2.267.000.000)	(*)	27.132.277.500	(2.179.000.000)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>27.132.277.500</b>	<b>(2.267.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>27.132.277.500</b>	<b>(2.179.000.000)</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

(\*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phú Thịnh	762.850.000	762.850.000	95.887.569	95.887.569
Đối tượng khác	46.227.900	46.227.900	36.295.372	36.295.372
<b>Cộng</b>	<b>809.077.900</b>	<b>809.077.900</b>	<b>132.182.941</b>	<b>132.182.941</b>

**11. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*)	9.966.484.011	12.214.212.457
<b>Cộng</b>	<b>9.966.484.011</b>	<b>12.214.212.457</b>

(\*) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt. Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường ngắn hạn cuối kỳ bao gồm các mỏ Áng Dâu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>16.924.252.869</b>	<b>49.552.432.869</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(990.506.284)	(990.506.284)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(250.000.000)	(250.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>15.683.746.585</b>	<b>48.311.926.585</b>
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	(1.534.294.808)	(1.534.294.808)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(50.000.000)	(50.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>14.099.451.777</b>	<b>46.727.631.777</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán là 7.343.006.552 đồng. Công ty trích quỹ khen thưởng - phúc lợi 50.000.000 đồng để chi quà cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	359.523.000	5.709.246.500
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>359.523.000</b>	<b>5.709.246.500</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn thành phẩm	310.216.021	5.544.567.276
<b>Cộng</b>	<b>310.216.021</b>	<b>5.544.567.276</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	711.653.729	534.165.390
<b>Cộng</b>	<b>711.653.729</b>	<b>534.165.390</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dự phòng (Hoàn nhập) đầu tư vào công ty con	88.000.000	(148.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>88.000.000</b>	<b>(148.000.000)</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	836.878.960	982.635.610
Chi phí khấu hao TSCĐ	142.999.019	29.619.600
Thuế, phí và lệ phí	613.807.950	583.711.208
Trích lập (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	148.409.379	(903.452.820)
Chi phí mua ngoài	28.381.840	51.098.196
Chi phí bằng tiền khác	325.665.182	227.823.314
<b>Cộng</b>	<b>2.096.142.330</b>	<b>971.435.108</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Xuất bán hàng tồn kho	48.657.000	-
Cho thuê tài sản	100.000.000	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	373.060.004
Các khoản thu khác	9.050	8.067.900
<b>Cộng</b>	<b>148.666.050</b>	<b>381.127.904</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản phạt hành chính	-	4.981.144
Hạch toán lại tiền thuê đất được giảm 30% năm 2022	207.096.876	-
Xuất bán hàng tồn kho	47.844.466	-
Chi phí khác	65.173	-
<b>Cộng</b>	<b>255.006.515</b>	<b>4.981.144</b>

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	444.414.856
Chi phí nhân công	836.878.960	2.380.686.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.999.019	272.131.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.154.561	3.406.413.188
Chi phí khác bằng tiền	1.087.882.511	506.347.471
<b>Cộng</b>	<b>2.100.915.051</b>	<b>7.009.993.370</b>

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang  
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên  
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Công ty con  
Lãnh đạo chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi cho vay	291.000.000	231.630.500
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	291.000.000	231.630.500

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu về cho vay	8.400.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	8.400.000.000	11.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	92.733.400
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	-	92.733.400

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Đào Văn Dũng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	75.968.000	76.868.000
Ông Đoàn Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	77.124.000	78.024.000
Ông Cao Văn Cần - Trưởng Ban kiểm soát	69.576.000	69.498.000
<b>Cộng</b>	<b>222.668.000</b>	<b>224.390.000</b>

**2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét.

Trần Thị Vân  
Người lập biểu  
Ngày 13 tháng 09 năm 2023

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng  
Giám đốc